

Bản án số: 55/2022/HN&GD-ST

Ngày 30/3/2022.

V/v: *Tranh chấp về ly hôn.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẬU LỘC, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Lâm.

Bà Trương Thị Hà.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Chuyên - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 177/2021/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2021 về việc " *Tranh chấp về ly hôn* " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 01/3/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 20/QĐST- HNGĐ ngày 15/3/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phạm Việt H, sinh năm 1971. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1973. Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

HKTT: Thôn P, xã P, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/12/2021, bản tự khai ngày 12/01/2022 và lời khai tại phiên tòa của nguyên đơn anh Phạm Việt H thể hiện như sau:

Về hôn nhân: Anh và chị Hoàng Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới và UBND xã P, huyện H cấp đăng ký kết hôn năm 1992. Sau khi cưới vợ chồng vào miền nam chung sống với nhau hoà thuận, hạnh phúc đến cuối năm 2008 vợ chồng mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, quan điểm của hai vợ chồng mỗi người mỗi khác nên xảy ra mâu thuẫn, do đó hai bên thống nhất sống ly thân một thời gian để xem xét lại tình cảm vợ chồng, nhưng sau đó anh mong muốn chị T quay trở về đoàn tụ nhưng chị T không quay về. Do công việc làm ăn gặp nhiều khó khăn,

kinh tế gia đình không có nên năm 2018 anh về quê xã P sinh sống cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân hai bên không liên lạc gì với nhau mà chị T chỉ liên lạc với con trai, khi anh làm đơn ly hôn anh đã vào nơi trước đây anh và chị T sinh sống để nộp đơn và yêu cầu chị T ký vào đơn nhưng chị T đã chuyển khẩu đi nơi khác nên anh không nộp được đơn. Thông qua con trai anh được biết hiện nay chị T đang sinh sống ở miền Tây nhưng địa chỉ cụ thể thì anh không biết, chị T có điện thoại nói với con trai là đồng ý ly hôn nhưng không về Tòa án giải quyết. Nay anh H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng để hàn gắn đoàn tụ được nữa, vợ chồng sống ly thân đã lâu nên anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện H xem xét giải quyết cho anh được ly hôn với chị Hoàng Thị T.

Về con: Anh và chị T có hai con chung là Phạm Thị H, sinh ngày 16/10/1993 và Phạm Hoàng Anh D, sinh ngày 22/4/2001. Hiện nay con gái Phạm Thị H đã xây dựng gia đình ở riêng tại tỉnh Đồng Tháp, còn con trai thứ hai cũng đã trưởng thành và đang sống chung cùng với anh. Ly hôn anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề con chung, vì các cháu đã trưởng thành.

Về tài sản và công nợ: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập chị Hoàng Thị T nhiều lần đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn nhưng chị T không đến. Tòa án đã liên lạc với chị T qua điện thoại yêu cầu chị T cung cấp địa chỉ nhưng chị T không cho Tòa án biết nơi cư trú hiện nay và chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật vì chị và anh H đã sống ly thân từ lâu.

Tòa án tiến hành giao các văn bản tố tụng cho người thân chị T là bà Nguyễn Thị T (mẹ đẻ chị T). Theo bà Nguyễn Thị T cho biết anh H và chị T kết hôn do hai bên tự nguyện, được gia đình hai bên tổ chức cưới và có đến UBND xã để đăng ký kết hôn, sau khi kết hôn anh H, chị T ở nhà sinh được một đứa con đầu thì vào miền nam làm ăn khi anh Hùng bị tai nạn giao thông thì về quê sinh sống, anh Hùng và chị T đã ly thân 15 năm nay. Nay anh H làm đơn ly hôn, Tòa án đã giao văn bản cho tôi và tôi đã thông báo cho chị T được biết, chị có nói đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Biên bản xác minh và biên bản tham khảo ý kiến của cơ quan Nhà nước về gia đình về nguyên nhân phát sinh tranh chấp của vợ chồng trong vụ án hôn nhân gia đình ngày 18/01/2022 tại thôn P và UBND xã P: Anh H và chị T cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, sau khi kết hôn anh H, chị T sinh sống tại địa phương một thời gian rồi hai người vào miền nam sinh sống đến khoảng năm 2018 anh Hùng về địa phương sinh sống cho đến nay, còn chị T có hộ khẩu thường trú tại thôn P, xã P nhưng hiện nay không có mặt tại địa phương, chị T thì thoảng có về vì mẹ đẻ chị T đang sinh sống tại địa phương, địa chỉ cụ thể của chị T hiện nay địa phương không biết. Vợ chồng anh H và chị T mâu thuẫn từ khi chung sống với nhau ở trong miền nam, khi anh H làm đơn ly hôn cũng không đề nghị chính quyền địa phương hòa giải. Do đó Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng cho người thân theo đúng quy định của pháp luật. Chị T biết việc anh H có đơn khởi kiện xin ly hôn đối với chị nhưng chị cố tình

trốn tránh, không đến Tòa án để làm việc, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Bị đơn chị Hoàng Thị T vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hậu Lộc tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, đảm bảo trình tự, thủ tục từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án, người tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ, đảm bảo đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử cho anh Phạm Việt H được ly hôn chị Hoàng Thị T.

Về con: Anh Hùng và chị T có hai con chung là Phạm Thị H, sinh ngày 16/10/1993 và Phạm Hoàng Anh D, sinh ngày 02/4/2001. Các cháu đã trưởng thành, ly hôn anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề con chung, nên không xem xét.

Về tài sản: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Anh Phạm Việt H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Anh Phạm Việt H khởi kiện ly hôn chị Hoàng Thị T có hộ khẩu thường trú tại thôn P, xã P, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Việt H và chị Hoàng Thị T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được UBND xã P, huyện H cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày ngày 25/02/1992, như vậy hôn nhân giữa anh Hùng và chị T là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh H và chị T: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được 16 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã nên vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2008 cho đến nay không ai quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị được ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án chị T không hợp tác làm việc do đó cũng không thể hiện ý chí nguyện vọng của chị T như thế nào, Tòa án đã thông báo qua điện thoại cho chị T được biết nội dung về việc anh H làm đơn ly hôn đối với chị, nhưng chị cũng không đến Tòa án làm việc, như vậy cũng có thể xác định chị T cũng không quan tâm đến cuộc hôn nhân này của mình, bỏ mặc không có mong muốn để vợ chồng trở về đoàn tụ thông qua công tác hòa giải tại Tòa án. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2008 đến nay, hai bên không có biện pháp để khắc phục tình trạng hôn nhân, anh H nay có nguyện vọng ly hôn. Thấy rằng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H là phù hợp với tình trạng hôn nhân hiện nay.

[3] Về con: Anh H và chị T có hai con chung là Phạm Thị H, sinh ngày 16/10/1993 và Phạm Hoàng Anh D, sinh ngày 02/4/2001. Hiện nay con gái Phạm Thị H đã xây dựng gia đình ở riêng tại tỉnh Đồng Tháp, còn con trai thứ hai cũng đã trưởng thành. Ly hôn anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề con chung, nên không xem xét.

[4] Về tài sản và công nợ: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc đã triệu tập chị Hoàng Thị T nhiều lần đến Tòa án để tiến hành các thủ tục tố tụng với tư cách là bị đơn trong vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng chị T đều vắng mặt không có lý do. Tòa án đã thông báo qua điện thoại cho chị T được biết và tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho người thân của chị T, người thân đã cam đoan giao các văn bản của Tòa án cho chị T nhưng chị cố tình không đến Tòa án để làm việc, anh H có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Căn cứ vào Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án không tiến hành hòa giải.

Ngày 01/3/2022, Tòa án nhân dân huyện H đã đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa có mặt anh Phạm Việt H, nhưng chị Hoàng Thị T vắng mặt lần thứ nhất không có lý do nên Tòa án đã quyết định hoãn phiên tòa và thông báo đưa vụ án ra xét xử lần thứ hai vào ngày 30/3/2022. Quyết định hoãn phiên tòa đã được tổng đạt hợp lệ cho người thân là bà Nguyễn Thị T (mẹ đẻ) chị T được biết, bà T cam đoan giao trực tiếp cho chị T. Tại phiên tòa chị T vẫn tiếp tục vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt của bị đơn chị Hoàng Thị T.

[6] Về án phí: Buộc anh Phạm Việt H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* **Xử:** Vắng mặt chị Hoàng Thị Th.

* Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Phạm Việt H.

Về hôn nhân: Anh Phạm Việt H được ly hôn chị Hoàng Thị T.

Về án phí: Anh Phạm Việt H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0008776 ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H (Anh H đã thi hành xong).

Về quyền kháng cáo: Anh Phạm Việt H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Hoàng Thị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Hậu Lộc;
- Chi cục THADS huyện Hậu Lộc;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Cao Thị Nga